TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO L** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **79** /2024/DS-ST
Ngày: 09-9-2024
V/v: "Tranh chấp HĐ dân sự vay tài sản và kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L
TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hà Vi**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đỗ Thị Thương Huyền**
Bà **Nguyễn Thị Tài**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Thuý** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L không tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 94/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp kiện đòi tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2024/QĐST- DS ngày 21 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị C,** sinh năm 1956; Địa chỉ: Thôn 13, xã Lộc Thành, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Bà **Đinh Thị N**, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn 13, xã Lộc Thành, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Vũ Văn H**, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn 13, xã Lộc Thành, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà Trần Thị C và bà Đinh Thị N có mặt; ông Vũ Văn H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*:** Vào ngày 19/4/2012 vợ chồng bà Đinh Thị N ông Vũ Văn H có vay của bà C số tiền 35.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K vàng 9999, hẹn đến ngày 30/12/2012 sẽ trả. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 50.000 đồng/ 1 tháng/ 1.000.000 đồng. Sau khi nhận đủ tiền và vàng bà N đã viết giấy nhận nợ cho bà C. Tuy nhiên trong giấy tờ thì bà N không ghi về lãi suất.

Đến ngày 24/10/2012 vợ chồng bà N ông H lại tiếp tục vay của bà C số tiền 6.500.000 đồng. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 50.000 đồng/ 1 tháng/ 1.000.000 đồng. Sau khi nhận đủ tiền và vàng bà N đã viết giấy nhận nợ cho bà C. Tuy nhiên trong giấy tờ thì bà N không ghi về lãi suất. Cả hai khoản nợ trên thì đều hẹn đến ngày 30/12/2012 sẽ thanh toán hết nợ.

Đối với khoản vay 2 chỉ vàng thì bà N đã trả cho bà C được 0.5 phân chỉ còn nợ lại 1.5 chỉ vàng 9999 (trả khoảng vào năm 2020, do thời gian lâu nên bà C không nhớ chính xác). Còn các khoản tiền lãi suất thì bà N ông H không trả cho bà C.

Tuy nhiên đã quá thời hạn trả nợ thì bà N ông H không trả nợ cho bà C mặc dù bà C đã đòi nợ nhiều lần.

Đến ngày 18/3/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thành bà N có thừa nhận nợ của bà C số tiền 20.000.000 đồng và 1.5 chỉ vàng và hứa mỗi năm trả 3.000.000 đồng nhưng bà C không đồng ý.

Tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thành bà C chỉ yêu cầu trả 35.000.000 đồng là bà C quên không mang tờ giấy nợ 6.500.000 đồng nên bà C chỉ yêu cầu số tiền 35.000.000 đồng.

Đến ngày 14/5/2021 bà C có khởi kiện lần 2 tại Tòa án nhân dân huyện Bảo L nhưng bà N lại năn nỉ hứa hẹn trả nợ cho bà C nên bà C lại rút đơn về nhưng bà N vẫn không trả nợ cho bà C.

Từ tháng 5/2021 cho đến nay bà N cũng không trả nợ cho bà C cũng như tiền lãi suất phát sinh.

Do vậy bà C làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo L giải quyết buộc vợ chồng bà N ông H trả nợ cho bà C số tiền 41.500.000 đồng, lãi suất 1.67%/ tháng kể từ ngày vay cho đến khi giải quyết xong vụ án và 1.5 Chỉ vàng 9999.

Bị đơn bà Đinh Thị N trình bày: Tại biên bản ghi lời khai ngày 21/8/2024 bà Đinh Thị N trình bày như sau: Bà N thừa nhận vào ngày 19/4/2012 bà N có vay của bà Trần Thị C số tiền 35.000.000 đồng và 2 chỉ vàng 24K, vàng 9999, hẹn đến ngày 30/12/2012 sẽ trả. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất với nhau 5000 đồng/1 ngày/1.000.000 đồng. Còn đối với khoản vay ngày 24/10/2012 là 6.500.000 đồng thì bà N không đồng ý vì đây là khoản tiền lãi mà bà chưa trả được đối với số tiền vay 35.000.000 đồng trước đó. Bà N chỉ nhận nợ với bà Cây số tiền 6.500.000 đồng chứ thực tế bà N không nhận tiền. Đối với khoản vay là 02 chỉ vàng 24K vàng 9999 thì bà N đã trả cho bà C được 0,5 chỉ, bà N thừa nhận chỉ còn nợ lại bà C 1,5 chỉ.

Về lãi suất lúc vay nợ thì giữa bà N với bà C có thoả thuận về lãi suất là 5000 đồng/1 ngày/1.000.000 đồng, tuy nhiên sau đó gia đình bà bị bể nợ nên bà C có nói là không tính tiền lãi mà chỉ yêu cầu trả nợ gốc.

Nay bà Trần Thị C khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà N phải trả cho bà C số tiền 41.500.00 đồng, yêu cầu lãi suất 1,67%/ tháng kể từ ngày vay cho đến khi giải quyết xong vụ án và 1,5 chỉ vàng 9999 thì bà không đồng ý vì đối với khoản vay ngày 24/10 2012 là 6.500.000 đồng là tiền lãi do bà N không trả nên viết thành giấy nợ và tháng 3/2013 bà N đã trả cho bà C số tiền gốc 6.000.000 đồng, đến tháng 10/2013 bà N tiếp tục trả cho bà C 4.000.000 đồng, tháng 8/2014 tôi

đã trả cho bà Cây 3.000.000 đồng. Tổng số tiền bà N đã trả cho bà C tổng cộng là 13.000.000 đồng. Việc trả nợ thì bà N không có giấy tờ gì cũng không yêu cầu bà C ghi giấy nên bà N không có giấy tờ gì xuất trình mà bà N ghi trong sổ để nhớ nên không có chứng cứ cung cấp cho Toà án.

Do vậy bà N chỉ đồng ý trả cho bà C số tiền 21.000.000 đồng và 1.5 chỉ vàng 9999, bà N không đồng ý trả tiền lãi suất trước đó do bà C nói không tính tiền lãi suất chỉ lấy tiền nợ gốc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn H đã được Tòa án Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập làm việc nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 11/7/2024 nhưng bà Đinh Thị N và ông Vũ Văn H vắng mặt không có lý do, do vậy việc hòa giải không thành.

Tại phiên toà hôm nay, bà Trần Thị C thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, bà C không yêu cầu tính lãi suất phát sinh, bà Đinh Thị N đồng ý trả cho bà Trần Thị C số tiền 41.500.000 đồng tiền gốc và 1.5 chỉ vàng 24K, ông Vũ Văn H vắng mặt nên không có lời trình bày nào.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn H đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền: Bà Trần Thị C khởi kiện yêu cầu bà Đinh Thị N và ông Vũ Văn H có địa chỉ tại thôn 13, xã Lộc Thành, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, phải trả số tiền vay nợ gốc là 41.500.000 đồng (trong đó có 02 khoản vay, trong đó khoản vay ngày 19/4/2012 căn cứ vào Điều 429 Bộ luật dân sự đã hết thời H khởi kiện về hợp đồng) và lãi suất phát sinh, đồng thời kiện đòi số vàng cho vay nên xác định quan hệ *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp kiện đòi tài sản"* và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân huyện Bảo L giải quyết theo quy định khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị C, đối chiếu tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình thể hiện:

3.1 Theo giấy ghi nợ ngày 19/4/2012 bản gốc do bà Trần Thị C xuất trình thể hiện: "Vào ngày 19/4/2012 vợ chồng bà Đinh Thị N ông Vũ Văn H có vay của bà C số tiền 35.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K vàng 9999, hẹn đến ngày 30/12/2012 sẽ trả, chỗ người mượn kí tên Đinh Thị N, bên chồng ghi H kí". Việc vay nợ số tiền trên được bà N thừa nhận, chữ kí chỗ người mượn là của bà

N. Bà C trình bày bà N đã trả cho bà C được 0.5 chỉ vàng nên còn nợ lại 1.5 chỉ vàng 24K. Tuy nhiên bà N cho rằng vì gia đình bà N bị bể nợ nên bà C đồng ý không lấy tiền lãi nên vào tháng 3/2013 bà N đã trả cho bà C số tiền gốc 6.000.000 đồng, đến tháng 10/2013 bà N tiếp tục trả cho bà C 4.000.000 đồng, tháng 8/2014 tôi đã trả cho bà Cây 3.000.000 đồng. Tổng số tiền bà N đã trả cho bà C tổng cộng là 13.000.000 đồng. Việc trả nợ thì bà N không có giấy tờ gì cũng không yêu cầu bà C ghi giấy nên bà N không có giấy tờ gì xuất trình mà bà N ghi trong sổ để nhớ nên không có chứng cứ cung cấp cho Toà án. Trong khi đó bà C không thừa nhận việc trả nợ trên của bà N.

3.2 Theo giấy ghi nợ ngày 24/10/2012 bản gốc do bà Trần Thị C xuất trình thì thể hiện ngày 24/10/2012 bà Đinh Thị N có mượn của bà Trần Thị Cấy số tiền 6.500.000 dồng, người mượn Đinh Thị N, giấy không hẹn thời hạn trả nợ cũng như thể hiện lãi suất phát sinh. Đối với số tiền vay 6.500.000 đồng ngày 24/10/2012 bà N cho rằng bà N không vay số tiền trên mà do bà N mượn số tiền 35.000.000 đồng không có tiền trả lãi nên đã viết giấy nợ lại, số tiền 6.500.000 đồng là tiền lãi suất phát sinh. Tuy nhiên bà N cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình trong khi đó bà C cũng không thừa nhận lời trình bày trên của bà N là đúng sự thật.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Đinh Thị N đồng ý trả cho và Trần Thị C số tiền nợ gốc là 41.500.000 đồng và 1.5 chỉ vàng 24K, không phải trả lãi suất phát sinh và bà Trần Thị C cũng không yêu cầu bà Đinh Thị N phải trả tiền lãi suất. Nên cần buộc bà Đinh Thị N phải trả cho bà C số tiền 41.500.000 đồng và 1.5 chỉ vàng 24K là đúng quy định của pháp luật.

3.3 Đối với yêu cầu tính lãi suất phát sinh của bà C đã rút yêu cầu tính lãi suất phát sinh, do vậy HĐXX không xem xét.

3.4 Bà Trần Thị C khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Đinh Thị N và ông Vũ Văn H có trách nhiệm trả nợ cho bà C, tại phiên tòa bà Đinh Thị N thừa nhận khoản vay trên cả 2 vợ chồng đều biết, vay để nuôi heo, phát triển kinh tế gia đình và phục vụ việc ăn uống chi tiêu nên bà Trần thị C yêu cầu vợ chồng ông Vũ Văn H bà Đinh Thị N trả toàn bộ số tiền trên là đúng quy định của pháp luật.

3.5 Căn cứ vào các Điều 166, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự cần buộc bà Đinh Thị N ông Vũ Văn H phải có trách nhiệm trả toàn bộ nợ gốc là 41.500.000 đồng và 1.5 chỉ vàng 24K cho bà Trần Thị C là đúng pháp luật. (giá vàng 24K ngày 09/9/2024 là 7.710.000 đồng/ 01 chỉ = 11.565.000 đồng).

[4]. Về án phí: Do vợ chồng bà Đinh Thị N ông Vũ Văn H phải trả cho bà Trần Thị C số tiền 41.500.000 đồng và 1.5 chỉ vàng 24K (giá vàng 24K ngày 09/9/2024 là 7.710.000 đồng/ 01 chỉ = 11.565.000 đồng) nên cần buộc bà Đinh Thị N ông Vũ Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 53.065.000 đồng x 5% = 2.653.250 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 264, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 166, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị C về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, tranh chấp kiện đòi tài sản*" đối với bị đơn bà Đinh Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn H.

Buộc bà Đinh Thị N ông Vũ Văn H có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc cho bà Trần Thị C với số tiền là 41.500.000 đồng *(Bốn mươi mốt triệu, năm trăm ngàn đồng)* và 1.5 chỉ vàng 24K.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10-9-2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. *Về án phí:* Buộc vợ chồng bà Đinh Thị N ông Vũ Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.653.250 đồng.

3. *Về quyền kháng cáo*: Án xử công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

(Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được kháng cáo phần có liên quan)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời H thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND huyện Bảo L;*
- *Chi cục THA dân sự H. Bảo L;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Trần Thị Hà Vi